

DEMAND AND ASSOCIATED FACTORS FOR PARTICIPATION IN CONTINUING MEDICAL EDUCATION THROUGH A BLENDED LEARNING MODEL AMONG TRADITIONAL MEDICINE HEALTHCARE WORKERS IN CAN THO CITY

Huynh Tien Vuong¹, Lam Quang Vinh¹, Le Minh Hoang¹, Nguyen Van Bo¹, Vo Tuyet Ngan², Vu Ha My³,
Nguyen Thien Tanh^{1*}

¹Can Tho University of Medicine and Pharmacy - 179 Nguyen Van Cu, Tan An ward, Can Tho city, Vietnam

²Buon Ma Thuot Medical University - 298 Ha Huy Tap, Tan An ward, Dak Lak province, Vietnam

³University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi - 144 Xuan Thuy, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam

Received: 28/04/2026

Revised: 12/06/2026; Accepted: 24/07/2026

ABSTRACT

Objectives: To determine the demand and analyze factors associated with the willingness to participate in continuing medical education delivered through a blended learning model (online distance combined with face-to-face) among traditional medicine healthcare workers in Can Tho city.

Subjects and methods: A cross-sectional analytical study was conducted among 245 traditional medicine healthcare workers in Can Tho city from May to September 2025.

Results: The demand for continuing medical education was high, particularly for professional clinical content (mean score = 4.35 ± 0.69). Highly prioritized topics included new techniques, acupuncture, and updated treatment approaches. The demand for professional skills and management-legal training was also substantial (mean score > 4.0). Logistic regression analysis showed that course content (OR = 2.38; 95% CI: 1.01-5.60), cost, and institutional reputation were significantly associated with willingness to participate ($p < 0.05$). Exploratory factor analysis identified two main factors, explaining 80.259% of the total variance, with Cronbach's Alpha coefficients > 0.9.

Conclusion: Traditional medicine practitioners in Can Tho city have a high demand for continuing education. Course content, cost, and the reputation of the organizing institution significantly influence willingness to participate.

Keywords: Continuing medical education, training needs, blended learning, healthcare workers, traditional medicine.

*Corresponding author

Email: 2233080008@student.ctump.edu.vn Phone: (+84) 919410329 DOI: 10.52163/yhc.v67i7.5918

NHU CẦU THAM GIA VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐÀO TẠO LIÊN TỤC BẰNG HÌNH THỨC TỪ XA TRỰC TUYẾN KẾT HỢP TRỰC TIẾP CHO NHÂN VIÊN Y TẾ CHUYÊN NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Huỳnh Tiến Vương¹, Lâm Quang Vinh¹, Lê Minh Hoàng¹, Nguyễn Văn Bộ¹, Võ Tuyết Ngân², Vũ Hà My³, Nguyễn Thiện Tánh^{1*}

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - 179 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

²Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột - 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

³Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 28/04/2026

Ngày chỉnh sửa: 12/06/2026; Ngày duyệt đăng: 24/07/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định nhu cầu và các yếu tố liên quan đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục theo hình thức học kết hợp (trực tuyến, trực tiếp) của nhân viên y tế y học cổ truyền tại thành phố Cần Thơ.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang phân tích trên 245 nhân viên y tế y học cổ truyền tại Cần Thơ từ tháng 5-9 năm 2025.

Kết quả: Nhu cầu đào tạo liên tục ở mức cao, đặc biệt đối với nội dung chuyên môn (điểm trung bình $4,35 \pm 0,69$), chủ yếu về kỹ thuật mới, chăm cứu và cập nhật điều trị. Nhu cầu kỹ năng và quản lý - pháp lý cũng cao (điểm trung bình $> 4,0$). Hồi quy logistic cho thấy nội dung khóa học ($OR = 2,38$; 95% CI: 1,01-5,60), chi phí và uy tín đơn vị tổ chức liên quan có ý nghĩa đến sự sẵn sàng tham gia ($p < 0,05$). Nhân tố khám phá xác định 2 nhân tố (tổng phương sai trích 80,259%; Cronbach's Alpha $> 0,9$).

Kết luận: Nhân viên y tế y học cổ truyền tại thành phố Cần Thơ có nhu cầu cao về đào tạo liên tục. Nội dung khóa học, chi phí và uy tín đơn vị tổ chức là các yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến sự sẵn sàng tham gia.

Từ khóa: Đào tạo liên tục, nhu cầu đào tạo, học tập kết hợp, nhân viên y tế, y học cổ truyền.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo liên tục là yêu cầu bắt buộc nhằm giúp nhân viên y tế duy trì và nâng cao năng lực chuyên môn, thích ứng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật y học. Tại Việt Nam, Bộ Y tế quy định đào tạo liên tục là điều kiện duy trì chứng chỉ hành nghề và tiêu chí thi đua của cơ sở y tế [1-2]. Buyske J (2009) cho thấy nhân viên y tế không được cập nhật kiến thức thường xuyên có xu hướng đạt kết quả đánh giá năng lực thấp hơn so với nhóm được đào tạo gần đây [3].

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục y khoa và chuyển đổi số ngành y tế, đào tạo kết hợp trực tuyến và trực tiếp (blended learning) ngày càng được quan tâm nhờ tính linh hoạt, tiết kiệm chi phí và vẫn bảo đảm yêu cầu thực hành.

Tuy nhiên, các nghiên cứu về nhu cầu và các yếu tố liên quan đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục theo hình thức kết hợp của nhân viên y tế chuyên ngành y học cổ truyền (YHCT) còn hạn chế, đặc biệt tại Cần Thơ. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm xác định nhu cầu và phân tích một số yếu tố liên quan đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục theo hình thức học kết hợp của nhân viên y tế chuyên ngành YHCT tại Cần Thơ.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang phân tích, định lượng kết hợp định tính.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 5-9 năm 2025 tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm nhân viên y tế đang thực hiện công tác chuyên môn lĩnh vực YHCT tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: nhân viên y tế đang làm việc ít nhất 6 tháng tại cơ sở y tế, tự nguyện tham gia và hoàn thành bảng câu hỏi đầy đủ.

- Tiêu chuẩn loại trừ: người đang trong thời gian nghỉ việc hoặc không đồng ý tham gia nghiên cứu; bảng câu hỏi bị bỏ trống $> 50\%$ thông tin.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu của nghiên cứu được xác định dựa trên phương pháp ước lượng một tỷ lệ với mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$, độ chính xác tuyệt đối $d = 0,05$ và tỷ lệ ước lượng từ nghiên cứu trước là $p = 0,846$, tính được cỡ mẫu tối thiểu là 200 mẫu. Dự phòng 10% mẫu loại trừ, cỡ mẫu cần thu thập là 220. Thực tế nghiên cứu thu thập được 245 mẫu đạt tiêu chuẩn và được đưa vào phân tích.

- Phương pháp chọn mẫu thuận tiện, đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn của đối tượng nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ

Email: 2233080008@student.ctump.edu.vn Điện thoại: (+84) 919410329 DOI: 10.52163/yhc.v67i7.5918

2.5. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của nhân viên y tế chuyên ngành YHCT.

- Phân tích một số yếu tố liên quan đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục theo hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp.

- Đánh giá cấu trúc và độ tin cậy của thang đo nhu cầu đào tạo liên tục thông qua phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA).

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng phương pháp phát vấn trực tiếp thông qua bộ câu hỏi có cấu trúc được thiết kế sẵn. Nội dung bộ câu hỏi tập trung đánh giá nhu cầu và các yếu tố liên quan đến đào tạo liên tục theo hình thức từ xa trực tuyến kết hợp trực tiếp giai đoạn 2024-2025.

2.7. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được kiểm tra, mã hóa, nhập bằng phần mềm Microsoft Excel và phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0. Thống kê mô tả gồm tần số, tỷ lệ phần trăm, trung bình và độ lệch chuẩn ($\bar{X} \pm SD$).

Độ tin cậy thang đo được đánh giá bằng Cronbach's Alpha ($\alpha \geq 0,6$; tương quan biến-tổng $\geq 0,3$). Phân tích EFA thực hiện bằng phương pháp trích thành phần chính (PCA) với phép quay Varimax; điều kiện KMO $\geq 0,5$, Bartlett $p < 0,05$, Eigenvalue > 1 và tổng phương sai trích $\geq 50\%$. Các biến có hệ số tải $< 0,3$ hoặc tải chéo $< 0,2$ bị loại; mỗi nhân tố gồm ít nhất 3 biến. Sau EFA, thang đo được kiểm định lại độ tin cậy theo tiêu chuẩn trên.

2.8. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Thông tin về mục đích và nội dung của nghiên cứu được cung cấp đầy đủ cho đối tượng tham gia nghiên cứu trước khi tiến hành khảo sát. Việc tham gia nghiên cứu là hoàn toàn tự nguyện.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhu cầu đào tạo liên tục bằng hình thức từ xa trực tuyến kết hợp trực tiếp cho nhân viên y tế chuyên ngành YHCT

Bảng 1. Nhu cầu đào tạo liên tục về các nội dung chuyên môn YHCT (n = 245)

STT	Nội dung chuyên môn	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)
1	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị mới trong YHCT	5 (2,0%)	0	18 (7,3%)	79 (32,2%)	143 (58,4%)	4,45 $\pm$ 0,80
2	Các loại máy, kỹ thuật mới trong YHCT	5 (2,0)	0	5 (2,0)	80 (32,7)	155 (63,3%)	4,55 $\pm$ 0,73
3	Kỹ thuật châm cứu	4 (1,6%)	2 (0,8%)	10 (4,1%)	83 (33,9%)	146 (59,6%)	4,49 $\pm$ 0,76
4	Kỹ thuật xoa bóp, bấm huyệt	6 (2,4%)	2 (0,8%)	27 (11,0%)	97 (39,6%)	113 (46,1%)	4,26 $\pm$ 0,87
5	Các loại thuốc YHCT mới, phương pháp bảo chế mới	3 (1,2%)	4 (1,6%)	22 (9,0%)	99 (40,4%)	117 (47,8)	4,32 $\pm$ 0,80

STT	Nội dung chuyên môn	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)
6	Các phương pháp điều trị không dùng thuốc mới, nâng cao	3 (1,2%)	1 (0,4%)	30 (12,2%)	93 (38,0%)	118 (48,2%)	4,31 $\pm$ 0,80
7	YHCT trong điều trị các bệnh chuyên sâu	3 (1,2%)	1 (0,4%)	27 (11,0%)	95 (38,8%)	119 (48,6%)	4,33 $\pm$ 0,78
8	YHCT kết hợp y học hiện đại trong điều trị	3 (1,2%)	1 (0,4%)	26 (10,6%)	98 (40,0%)	117 (47,8%)	4,33 $\pm$ 0,78
9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong YHCT	3 (1,2%)	1 (0,4%)	24 (9,8%)	101 (41,2%)	116 (47,3%)	4,33 $\pm$ 0,77

Nhu cầu đào tạo liên tục về các nội dung chuyên môn YHCT đều được đánh giá ở mức cao, với điểm trung bình chung đạt $4,37 \pm 0,79$. Các nội dung có điểm trung bình dao động từ 4,26-4,55, trong đó các loại máy, kỹ thuật mới trong YHCT và kỹ thuật châm cứu là những nội dung được quan tâm nhiều nhất.

Bảng 2. Nhu cầu đào tạo về kỹ năng chuyên môn của nhân viên y tế YHCT (n = 245)

STT	Kỹ năng chuyên môn	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)
1	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh và đồng nghiệp	2 (0,8%)	2 (0,8%)	18 (7,3%)	109 (44,5%)	114 (46,5%)	4,21 $\pm$ 0,78
2	Kỹ năng thuyết trình, báo cáo chuyên môn	3 (1,2%)	4 (1,6%)	34 (13,9%)	89 (36,3%)	115 (46,9%)	4,10 $\pm$ 0,89
3	Kỹ năng truyền thông, giáo dục sức khỏe về YHCT	2 (0,8%)	1 (0,4%)	19 (7,8%)	101 (41,2%)	122 (49,8%)	4,32 $\pm$ 0,80
4	Kỹ năng, phương pháp giảng dạy lâm sàng cho sinh viên, học viên	2 (0,8%)	1 (0,4%)	26 (10,6%)	98 (40,0%)	118 (48,2%)	4,31 $\pm$ 0,80
5	Kỹ năng lập kế hoạch công việc, chuyên môn	2 (0,8%)	2 (0,8%)	35 (14,3%)	93 (38,0%)	113 (46,1%)	4,33 $\pm$ 0,78

Trong nhóm kỹ năng chuyên môn, điểm trung bình dao động từ 4,10-4,33; cao nhất là kỹ năng lập kế hoạch công việc, chuyên môn và thấp nhất là kỹ năng thuyết trình, báo cáo chuyên môn.

Bảng 3. Nhu cầu đào tạo về quản lý và pháp lý của nhân viên y tế YHCT (n = 245)

STT	Quản lý và pháp lý	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)
1	Kỹ năng quản lý bệnh viện, khoa, phòng	2 (0,8%)	2 (0,8%)	44 (18,0%)	86 (35,1%)	111 (45,3%)	4,23 $\pm$ 0,83
2	Quản lý các yếu tố nguy cơ trong y tế	3 (1,2%)	2 (0,8%)	36 (14,7%)	93 (38,0%)	111 (45,3%)	4,25 $\pm$ 0,83

STT	Quản lý và pháp lý	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)
3	Nghịệp vụ, hành chính (ví dụ: mã ICD cho YHCT, phòng cháy chữa cháy, quản lý hồ sơ bệnh án)	4 (1,6%)	5 (2,0%)	48 (19,6%)	84 (34,3%)	104 (42,4%)	4,14 ± 0,91
4	Đào tạo về y đức, quy tắc ứng xử và pháp luật liên quan đến hành nghề YHCT	3 (1,2%)	1 (0,4%)	39 (15,9%)	92 (37,6%)	110 (44,9%)	4,24 ± 0,82
5	Đào tạo về nghiên cứu khoa học và viết bài báo khoa học trong lĩnh vực YHCT	2 (0,8%)	0	52 (21,2%)	98 (40,0%)	93 (38,0%)	4,14 ± 0,80
6	Cập nhật kiến thức về các quy định pháp lý mới trong khám chữa bệnh YHCT	2 (0,8%)	0	42 (17,1%)	101 (41,2%)	100 (40,8%)	4,21 ± 0,78

Nhu cầu đào tạo về quản lý và pháp lý ở mức cao (điểm trung bình $4,20 \pm 0,83$), trong đó quản lý yếu tố nguy cơ trong y tế và y đức - pháp luật hành nghề được đánh giá cao hơn.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục

Yếu tố		Sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục		OR (95% CI)	p
		Có	Không		
Chi phí	Không ảnh hưởng (n = 159)	139 (87,4%)	20 (12,6%)	0,34 (0,11-1,03)	< 0,05
	Có ảnh hưởng (n = 86)	82 (95,3%)	4 (4,7%)		
Lịch học	Không ảnh hưởng (n = 174)	160 (92,0%)	14 (8,0%)	1,87 (0,79-4,44)	> 0,05
	Có ảnh hưởng (n = 71)	61 (85,9%)	10 (14,1%)		
Nội dung khóa học	Không ảnh hưởng (n = 176)	163 (92,6%)	13 (7,4%)	2,38 (1,01-5,60)	< 0,05
	Có ảnh hưởng (n = 69)	58 (84,1%)	11 (15,9%)		
Sự hỗ trợ từ cơ quan	Không ảnh hưởng (n = 169)	154 (91,1%)	15 (8,9%)	1,38 (0,58-3,31)	> 0,05
	Có ảnh hưởng (n = 76)	67 (88,2%)	9 (11,8%)		
Sự uy tín của đơn vị tổ chức	Không ảnh hưởng (n = 171)	150 (87,7%)	21 (12,3%)	0,30 (0,09-1,05)	< 0,05
	Có ảnh hưởng (n = 74)	71 (95,9%)	3 (4,1%)		

Chi phí, nội dung khóa học và uy tín đơn vị tổ chức liên quan có ý nghĩa thống kê đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục ($p < 0,05$), trong đó nội dung khóa học có ảnh hưởng mạnh nhất (OR = 2,38; 95% CI: 1,01-5,60).

3.3. Kết quả phân tích EFA thang đo nhu cầu đào tạo liên tục

Bảng 5. Kết quả phân tích EFA thang đo nhu cầu đào tạo liên tục

Tên biến	Diễn giải biến	Hệ số tải nhân tố	
		F1	F2
CM5	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị mới trong YHCT	0,821	
CM3	Các loại máy, kỹ thuật mới trong YHCT	0,811	
CM8	Kỹ thuật châm cứu	0,808	
CM6	Kỹ thuật xoa bóp, bấm huyệt	0,803	
CM7	Các loại thuốc YHCT mới, phương pháp bào chế mới	0,801	
CM2	Các phương pháp điều trị không dùng thuốc mới, nâng cao	0,794	
CM9	YHCT trong điều trị các bệnh chuyên sâu	0,792	
CM1	YHCT kết hợp y học hiện đại trong điều trị	0,776	
CM11	Ứng dụng công nghệ thông tin trong YHCT	0,766	
CM12	Dược liệu học và công dụng các vị thuốc YHCT	0,764	
CM4	Các bài thuốc cổ phương và ứng dụng lâm sàng	0,740	
CM10	Tương tác thuốc YHCT và thuốc y học hiện đại	0,731	
QL3	Kỹ năng thuyết trình, báo cáo chuyên môn		0,864
QL4	Kỹ năng giảng dạy lâm sàng		0,862
QL2	Kỹ năng lập kế hoạch công việc, chuyên môn		0,858
QL1	Quản lý bệnh viện, khoa, phòng		0,844
KN5	Nghịệp vụ hành chính (mã ICD, phòng cháy chữa cháy...)		0,828
QL5	Đào tạo về y đức, quy tắc ứng xử, pháp luật		0,822
QL6	Nghiên cứu khoa học, viết bài báo YHCT		0,805
KN4	Quy định pháp lý mới trong khám chữa bệnh YHCT		0,801
KN2	Cập nhật kiến thức và quy định hành nghề		0,769

KMO = 0,958; Sig. = 0,000 < 0,001; Tổng phương sai trích = 80,259%

Phân tích EFA cho thấy các biến quan sát hội tụ thành 2 nhân tố với hệ số tải nhân tố cao ($\geq 0,731$). Kiểm định KMO đạt 0,958 và Bartlett có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Tổng phương sai trích đạt 80,259%, phản ánh khả năng giải thích tốt của mô hình.

Bảng 6. Các nhân tố mới được hình thành từ phân tích EFA

Ký hiệu	Tên nhân tố	Số biến	$\bar{X} \pm SD$	Cronbach's Alpha
NC1	Nhu cầu đào tạo chuyên môn YHCT	12	4,35 ± 0,69	0,972

Ký hiệu	Tên nhân tố	Số biến	$\bar{X} \pm SD$	Cronbach's Alpha
NC2	Nhu cầu đào tạo quản lý và pháp lý YHCT	9	4,23 $\pm$ 0,75	0,976

Hai nhân tố gồm: nhu cầu đào tạo chuyên môn YHCT (12 biến) và nhu cầu đào tạo quản lý, pháp lý YHCT (9 biến), với hệ số tải cao ($\geq 0,731$). Sau EFA, thang đo được đánh giá lại độ tin cậy. Kết quả cho thấy cả hai nhân tố đều có Cronbach's Alpha rất cao (NC1 = 0,972; NC2 = 0,976).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu đào tạo liên tục của nhân viên y tế chuyên ngành YHCT tại Cần Thơ ở mức cao, đặc biệt đối với các nội dung chuyên môn (điểm trung bình 4,35 $\pm$ 0,69). Xu hướng này tương đồng với nghiên cứu của Mai Hàn Giang và cộng sự (2024), ghi nhận 97,7% bác sĩ có nhu cầu đào tạo liên tục về chuyên môn; 24,3% có nhu cầu về kỹ năng mềm và 10,1% về quản lý [5]. Tương tự, Trần Đức Trọng (2020) [10] cũng như Tăng Xuân Hải và cộng sự (2022) [9] đều báo cáo tỷ lệ bác sĩ có nhu cầu đào tạo liên tục ở mức 96,7%. Những kết quả này cho thấy nhu cầu cập nhật chuyên môn là yêu cầu phổ biến, gắn trực tiếp với duy trì năng lực hành nghề và bảo đảm chất lượng khám chữa bệnh.

Ở nhóm kỹ năng và quản lý và pháp lý, nghiên cứu của Nguyễn Khánh Duy và cộng sự (2025) trên điều dưỡng viên cho thấy 96,7% có nhu cầu đào tạo liên tục trong năm tiếp theo, tập trung vào an toàn người bệnh, chăm sóc cấp cứu và kỹ năng giao tiếp [6]. Tương tự, Nguyễn Quốc Việt và cộng sự (2024) ghi nhận nhu cầu cao về nâng cao chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng truyền thông [7].

Nội dung khóa học, chi phí và uy tín đơn vị tổ chức là những yếu tố có liên quan có ý nghĩa thống kê đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo liên tục ($p < 0,05$), trong đó nội dung khóa học có mức ảnh hưởng rõ rệt nhất (OR = 2,38; 95% CI: 1,01-5,60). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Hoàng Thị Trang và cộng sự (2025), khi 93,2% đối tượng mong muốn tiếp tục học và 81,2% sẵn sàng tự chi trả, tuy nhiên rào cản chính là khối lượng công việc (79,9%) và thiếu hỗ trợ tài chính (62%) [4]. Nghiên cứu của Nguyễn Quốc Việt và cộng sự (2024) cũng cho thấy 39,4% nhân viên y tế chưa từng tham gia tập huấn do thiếu thời gian hoặc không sắp xếp được công việc [7]. Trên bình diện quốc tế, nghiên cứu của Maureen O'Brien Pott và cộng sự (2021) ghi nhận chi phí và thời gian đi lại là những rào cản quan trọng trong tiếp cận đào tạo liên tục [8]. Thực tế, Nguyễn Khánh Duy và cộng sự (2025) cho thấy hình thức học kết hợp chiếm tỷ lệ cao nhất (56,5%) [6], phản ánh xu hướng chuyển đổi linh hoạt trong tổ chức đào tạo.

Kết quả phân tích EFA ở bảng 5 và 6 cho thấy nhu cầu đào tạo liên tục của nhân viên y tế YHCT mang tính đa chiều nhưng vẫn tập trung chủ yếu vào nâng cao năng lực chuyên môn lâm sàng.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy nhân viên y tế chuyên ngành YHCT tại Cần Thơ có nhu cầu đào tạo liên tục ở mức cao, đặc biệt đối với nội dung chuyên môn lâm sàng. Nội dung khóa học, chi phí và uy tín đơn vị tổ chức là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến sự sẵn sàng tham gia đào tạo theo hình thức từ xa trực tuyến kết hợp trực tiếp.

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo Quyết định số 1925/QĐ-ĐHYDCT ngày 23/5/2025 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế. Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2013 về hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.
- [2] Bộ Y tế. Thông tư số 26/2020/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.
- [3] Buyske J. For the protection of the public and the good of the specialty: maintenance of certification. Archives of Surgery, 2009, 144 (2), 101-103. doi: 10.1001/archsurg.2008.556.
- [4] Hoàng Thị Trang, Đỗ Quang Tuyền, Trần Quang Huy. Thực trạng và nhu cầu cập nhật kiến thức y khoa liên tục của điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên y tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông năm 2024-2025. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2025, 8 (4): 78-87. doi: 10.54436/jns.2025.04.1034.
- [5] Mai Hàn Giang, Nguyễn Bình Phương. Nhu cầu đào tạo liên tục của bác sĩ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương. Tạp chí Y học Việt Nam, 2024, 537 (1B): 293-298. doi: 10.51298/vmj.v537i1B.9159.
- [6] Nguyễn Khánh Duy, Bùi Hoài Nam, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Đức Trọng. Thực trạng, nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng viên tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2025. Tạp chí Y học Cộng đồng, 2025, 66 (CĐ 11): 247-252. doi: 10.52163/ylc.v66iCD11.2838.
- [7] Nguyễn Quốc Việt, Trần Đỗ Hùng, Nguyễn Tấn Đạt. Thực trạng, nhu cầu đào tạo liên tục và các yếu tố liên quan của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa Cà Mau năm 2021-2022. Tạp chí Y học Việt Nam, 2024, 544 (2): 360-366. doi: 10.51298/vmj.v544i2.11890.
- [8] Maureen O'Brien Pott et al. Barriers to identifying and obtaining CME: a national survey of physicians, nurse practitioners and physician assistants. BMC Med Educ, 2021, 21 (1), 168. doi: 10.1186/s12909-021-02595-x.
- [9] Tăng Xuân Hải, Trần Thị Thúy Hà, Vũ Quang Hưng. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của bác sĩ, điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh năm 2020. Tạp chí Y học Dự phòng, 2022, 32 (1): 263-270. doi: 10.51403/0868-2836/2022/559.
- [10] Trần Đức Trọng. Thực trạng đào tạo liên tục cho bác sĩ, điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh năm 2020. Luận văn bác sĩ chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2020.